

CẢI THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN KHU VỰC TÂY NAM BỘ

Nguyễn Ngọc Minh^{1*} và Nguyễn Thị Hồng Loan²

¹Trường Đại học Tây Đô

²Sacombank, Văn phòng khu vực Tây Nam Bộ

(*Email: nmlsts@gmail.com)

Ngày nhận: 02/7/2023

Ngày phản biện: 10/8/2023

Ngày duyệt đăng: 26/9/2023

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Khu vực Tây Nam Bộ (Sacombank – KV Tây Nam Bộ). Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp để hoàn thiện công tác quản trị HTKSNB tại Sacombank – KV Tây Nam Bộ. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp khảo sát trực tiếp 364 cấp lãnh đạo tại các chi nhánh Sacombank - KV Tây nam bộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tham vấn chuyên gia, thang đo Likert và các phương pháp kiểm định (đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, kiểm định sự tương quan Bartlett, phương trình hồi quy đa biến) để phân tích dữ liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sáu nhân tố tác động đến HTKSNB tại Sacombank – khu vực Tây Nam Bộ lần lượt là: Hoạt động giám sát, môi trường kiểm soát, hoạt động kiểm soát, thông tin truyền thông, công nghệ thông tin và đánh giá rủi ro. Từ đó, một số giải pháp được đề xuất là: Xây dựng “Ngân hàng kiểm soát rủi ro”, Thực hiện công tác luân chuyển nhân sự, Đẩy mạnh hoạt động giám sát từ xa và Quán triệt công tác quản lý user – password.

Từ khóa: Quản trị, hệ thống kiểm soát nội bộ, Sacombank – Khu vực Tây Nam Bộ

Trích dẫn: Nguyễn Ngọc Minh và Nguyễn Thị Hồng Loan, 2023. Cải thiện công tác quản trị hệ thống kiểm soát nội bộ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín khu vực Tây Nam Bộ. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 18: 107-127.

*TS. Nguyễn Ngọc Minh - Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Tây Đô

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh ngân hàng không những được các nhà quản trị ngân hàng quan tâm mà còn là mối quan tâm của người gửi tiền, các cơ quan quản lý nhà nước và của toàn xã hội. Vì sự phá sản của một ngân hàng có thể gây đổ vỡ dây chuyền trong hệ thống tài chính - ngân hàng. Để ngăn ngừa những rủi ro tồn thất có thể xảy ra, mỗi ngân hàng thương mại cần tự hoàn thiện các biện pháp kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng nói riêng một cách đầy đủ và hiệu quả.

Bên cạnh đó, việc xuất hiện càng nhiều ngân hàng cho thấy sự cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng khắc nghiệt. Việc nâng cao hiệu quả kinh doanh bên cạnh mục tiêu phát triển bền vững của các ngân hàng là một yêu cầu tất yếu. Điều này đồng nghĩa với việc hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng phải được hoàn thiện hơn nữa.

Tại Sacombank – Khu vực Tây Nam Bộ trong những năm gần đây cũng phát sinh các vụ gây tổn thất cho Sacombank hàng trăm triệu cho đến hàng chục tỷ đồng. Một trong những nguyên nhân nổi bật là sự cố ý làm trái quy định, lợi dụng chức vụ quyền hạn, lơ là trong tác nghiệp, chú trọng thành tích trong kinh doanh... Điều này cũng cho thấy hệ thống kiểm soát nội bộ tại Sacombank – KV Tây Nam Bộ chưa được hoàn thiện, tồn tại nhiều bất cập nên chưa phát huy được hiệu quả trong hoạt động. Vì vậy, một số vấn đề quan trọng được đặt ra đối

với Sacombank - KV Tây Nam Bộ cần phải giải quyết là hệ thống kiểm soát nội bộ có thật sự hữu hiệu? Các nhân tố nào ảnh hưởng đến tính hữu hiệu hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB)? Cần những giải pháp gì để hoàn thiện công tác quản trị hệ thống kiểm soát nội bộ?

Tại Khu vực Tây Nam Bộ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chưa thực hiện nghiên cứu hệ thống hóa lý luận và đánh giá thực tiễn, hiệu quả của công tác kiểm soát nội bộ đang triển khai tại các chi nhánh/phòng giao dịch. Nghiên cứu hệ thống hóa cơ sở lý luận về hệ thống kiểm soát nội bộ trong hệ thống ngân hàng thương mại và phân tích thực trạng hệ thống kiểm soát nội bộ tại Sacombank - Khu vực Tây Nam Bộ nhằm đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế, phân tích các nhân tố ảnh hưởng là rất cần thiết. Kết quả của nghiên cứu góp phần xây dựng được mô hình các nhân tố tác động đến tính hiệu lực của HTKSNB tại Sacombank - Khu vực Tây Nam Bộ, là cơ sở đề ra các giải pháp để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Sacombank – Khu vực Tây Nam Bộ. Đây cũng là tài liệu tham khảo cho việc cải thiện HTKSNB trong các NHTM nói chung.

2. LƯỢC KHẢO TÀI LIỆU

Để xác định phạm vi lý thuyết phù hợp làm nền tảng cho nghiên cứu của đề tài này, sự kế thừa các công trình nghiên cứu trước đây được tham khảo.

Barakat (2009) sử dụng phương pháp khảo sát các NH tại Jordan với 41 câu

hỏi để đánh giá 5 nhân tố cấu thành HTKSNB theo Basel II bao gồm tầm nhìn quản trị và văn hóa lãnh đạo; đánh giá rủi ro; hoạt động kiểm soát; thông tin và truyền thông; giám sát hoạt động và sửa chữa sai sót, phần lớn các nhân tố được đánh giá cao so với mức điểm trung bình. Trong 5 nhân tố trên, nhân tố giám sát hoạt động, sửa chữa sai sót và nhận diện, đánh giá rủi ro là yếu nhất, được đặc biệt quan tâm để nâng cao hiệu quả KSNB.

Etuk (2011) với nghiên cứu đánh giá HTKSNB ở các ngân hàng tại Nigeria. Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá hiệu quả của HTKSNB trong ngân hàng Nigeria. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự hiện diện của HTKSNB trong ngân hàng đã cung cấp sự đảm bảo hợp lý về hiệu quả của hoạt động quản lý, sự hữu hiệu và hiệu quả của hoạt động, độ tin cậy của báo cáo kế toán và báo cáo quản trị và việc đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định trong ngân hàng ở Nigeria. Đồng thời, từ kết quả đánh giá hệ HTKSNB ở các ngân hàng, tác giả đã đưa ra một số kiến nghị để cải thiện HTKSNB ở các ngân hàng này như nâng cao các khía cạnh kỹ thuật của kiểm soát nội bộ, nâng cao đãi ngộ đối với các nhân viên kiểm soát nội bộ.

Ewa & Udoayang (2012) tiến hành nghiên cứu nhằm xác định ảnh hưởng của kiểm soát nội bộ (KSNB) đến khả năng phát hiện gian lận, thái độ của nhân viên tại các ngân hàng ở Nigeria. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng HTKSNB ảnh hưởng đến thái độ nhân viên đối với gian lận, một cơ chế KSNB vững mạnh là sự răn đe giảm thiểu hành vi gian lận,

nếu cơ chế kiểm soát nội bộ yếu tạo cơ hội cho nhân viên gian lận.

Lê Thanh Tuyền (2016) nghiên cứu về Các nhân tố ảnh hưởng hệ thống kiểm soát nội bộ các Ngân hàng thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh. Sự hệ thống hóa và kết nối bản chất kiểm soát nội bộ (KSNB) theo COSO với tuyên bố Basel từ đó nhận diện những yếu tố ảnh hưởng tới xây dựng KSNB trong các ngân hàng thương mại (NHTM). Kết quả nghiên cứu là mỗi một nhân tố có mức độ tác động đến sự hữu hiệu khác nhau và được sắp xếp từ cao xuống thấp: đánh giá rủi ro, công nghệ thông tin, hoạt động kiểm soát, thông tin truyền thông, giám sát và môi trường kiểm soát. Từ kết quả nghiên cứu trên, tác giả đã đề xuất một số giải pháp có tác động trực tiếp đến các nhân tố nhằm có giải pháp tốt nhất để nâng cao HTKSNB của NHTM tại thành phố Hồ Chí Minh.

Hồ Tuấn Vũ (2016) đánh giá Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong các Ngân hàng thương mại Việt Nam. Xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB trong các NHTM gồm bảy nhân tố: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, thông tin truyền thông, hoạt động kiểm soát, giám sát, thể chế chính trị và lợi ích nhóm. Trong đó năm nhân tố thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ tác giả kế thừa từ các nghiên cứu trước và báo cáo COSO, tác giả đã tìm ra hai nhân tố mới đó là thể chế chính trị và lợi ích nhóm. Kết quả nghiên cứu là mỗi một nhân tố có mức độ tác động đến sự hữu hiệu khác nhau và được sắp xếp theo trật tự từ cao

xuống thấp: đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin truyền thông, thể chế chính trị, giám sát, lợi ích nhóm và môi trường kiểm soát.

Teo Bùi Thanh Sơn (2020), về Kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tác giả đã tập trung làm rõ những nội dung chính sau: (i) Luận giải về HTKSNB trong NHTM: Dựa trên khung COSO và Ủy ban Basel về HTKSNB trong NHTM.

Kết quả nghiên cứu đã đánh giá thực trạng về hệ thống kiểm soát nội bộ từ góc độ quản lý nhà nước theo các quy định hiện hành; đánh giá năm thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ tại một số NHTM, phân tích những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân. Từ đó đưa ra những quan điểm, định hướng và một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trên cơ sở rủi ro trong NHTM Việt Nam.

Nguyễn Bích Liên (2020) nghiên cứu Hoàn thiện hoạt động kiểm soát nội bộ trong các Ngân hàng thương mại Việt Nam. Phát triển phương pháp đánh giá thực trạng KSNB với năm bộ phận cấu thành KSNB là môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, thông tin và truyền thông, hoạt động kiểm soát và giám sát.

Theo Nguyễn Thị Quỳnh Hương (2021), những yếu tố ảnh hưởng đến HTKSNB là nhân tố kế thừa tiêu chuẩn COSO (môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, hoạt động giám sát) và tác giả đưa ra thêm ba nhân tố mang tính đặc thù của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu, đó là công nghệ

thông tin, thể chế chính trị và lợi ích nhóm.

Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung nghiên cứu trong phạm vi chung toàn hệ thống ngân hàng nhưng chưa có nghiên cứu việc hoàn thiện HTKSNB tại từng vùng hay khu vực riêng biệt. Đặc biệt tại các ngân hàng chuyên về bán lẻ và có mạng lưới trải rộng từ thành thị đến nông thôn thì mô hình tổ chức kiểm soát càng cần đòi hỏi tính chuyên sâu và đặc thù khác biệt. Vì thế đề tài nghiên cứu cần thiết được thực hiện nhằm đánh giá hoạt động quản trị HTKSNB và các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị HTKSNB, từ đó tìm ra các giải pháp hoàn thiện công tác quản trị HTKSNB tại Sacombank – Khu vực Tây Nam Bộ (KVTNB).

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp kết hợp với dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Sacombank – Văn phòng khu vực Tây Nam Bộ. Dữ liệu sơ cấp được thu thập qua phương thức gửi email bằng câu hỏi đến Ban lãnh đạo, Trưởng/ Phó Phòng tại 14 chi nhánh và 105 phòng giao dịch Sacombank – KVTNB. Theo Hair, et al., (2010), cỡ mẫu với 33 biến quan sát dùng trong phân tích nhân tố, tối thiểu cần đạt là $33 * 5 = 165$ quan sát. Trong nghiên cứu này, tác giả thu thập 364 mẫu quan sát.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, trong đó phương pháp định tính dùng để khẳng định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của HTKSNB, phương pháp định lượng dùng để kiểm định các nhân tố tác động

và đo lường mức độ tác động của các nhân tố tới sự hữu hiệu của HTKSNB tại Sacombank – KVTNB.

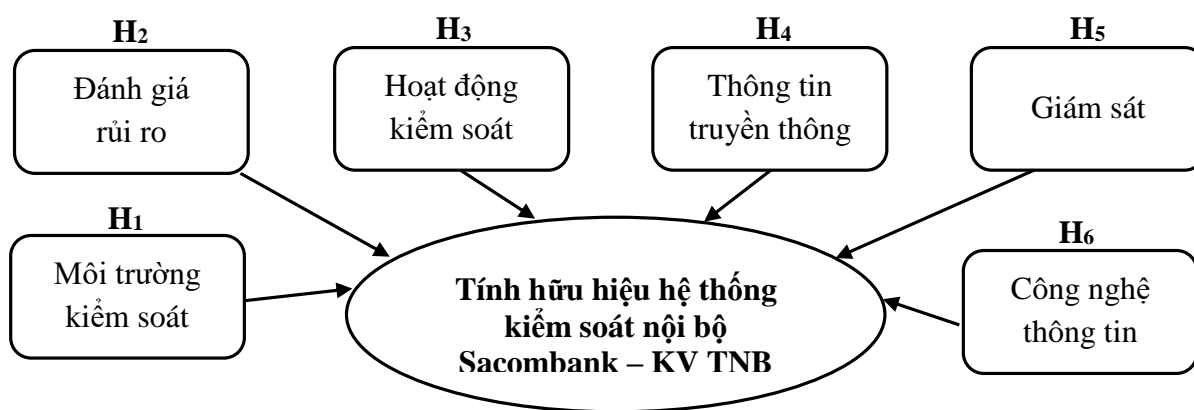
Phương pháp định tính: thực hiện phỏng vấn 15 chuyên gia (Tổ trưởng tổ kiểm tra nội bộ và 14 Giám đốc chi nhánh) bằng phương thức gửi email bằng câu hỏi mở và tổ chức thảo luận tay đôi theo nội dung chuẩn bị trước để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến HTKSNB. Từ đó xây dựng thang đo sơ bộ. Tiếp theo hiệu chỉnh thang đo và thiết lập bảng câu hỏi phỏng vấn thử bằng câu hỏi tại ba chi nhánh bất kỳ, cuối cùng chính thức tiến hành thu thập dữ liệu.

Phương pháp định lượng: dựa trên các dữ liệu thu thập, tác giả sử dụng thang đo Likert (Hoàn toàn không đồng ý – 1 điểm; Không đồng ý – 2 điểm; Trung lập – 3 điểm; Đồng ý – 4 điểm; Hoàn toàn đồng ý – 5 điểm) để đo lường mức độ họ đồng ý hoặc không đồng ý với các nhân tố ảnh hưởng HTKSNB, sử dụng các

phương pháp kiểm định để giải thích các ảnh hưởng này như: hệ số tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA); phân tích hồi quy đa biến được sử dụng để kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu. Phương pháp diễn giải, phương pháp so sánh được sử dụng để giải thích tình hình hoạt động, đưa ra những lập luận, giả thiết để từ đó rút ra những kết luận để giải quyết vấn đề nghiên cứu.

Mô hình nghiên cứu

Dựa trên cơ sở nghiên cứu các công trình nghiên cứu trên kết hợp với phương pháp khảo sát ý kiến chuyên gia, tác giả xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến HTKSNB tại Sacombank – KVTNB, bao gồm sáu nhân tố: (i) Môi trường kiểm soát, (ii) Đánh giá rủi ro, (iii) Hoạt động kiểm soát, (iv) Thông tin truyền thông, (v) Giám sát và (vi) Công nghệ thông tin.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết H1: Môi trường kiểm soát có tác động đến HTKSNB Sacombank – KVTNB; Giả thuyết H2: Đánh giá rủi ro có tác động đến HTKSNB Sacombank – KVTNB; Giả thuyết H3: Hoạt động kiểm soát có tác động đến HTKSNB Sacombank – KVTNB; Giả thuyết H4: Thông tin truyền thông có tác động đến HTKSNB Sacombank – KVTNB; Giả thuyết H5: Giám sát có tác động đến HTKSNB Sacombank – KVTNB; Giả thuyết H6: Công nghệ thông tin có tác động đến HTKSNB Sacombank – KVTNB.

Thang đo đo lường của biến độc lập nhân tố môi trường kiểm soát (ký hiệu MTKS) có bốn biến quan sát: MTKS1 - BLĐ phê duyệt và xem xét định kỳ các chiến lược kinh doanh chung và các chính sách kiểm soát nội bộ của ngân hàng; MTKS2 - Cơ cấu tổ chức HTKSNB đảm bảo tính hữu hiệu, thích hợp và có hiệu quả được áp dụng và duy trì; MTKS3 - Cơ chế phân cấp ủy quyền được phân định khoa học, hợp lý và không có bất cập tồn tại gây chông chéo trong tác nghiệp; MTKS4 - BLĐ luôn quan tâm khuyến khích các chuẩn mực đạo đức và phẩm chất trung thực, cũng như trong việc thiết lập một văn hoá kiểm soát bên trong ngân hàng; MTKS5 - Xây dựng các quy trình để nhận biết, định lượng, theo dõi và kiểm soát các rủi ro; duy trì một cơ cấu tổ chức phân công rõ ràng trách nhiệm, thẩm quyền; MTKS6 - BLĐ có giám sát và đánh giá các quyết định chấp nhận rủi ro, biện pháp giảm nhẹ rủi ro; MTKS7 - BLĐ có xây dựng một cơ cấu quản lý tăng cường

trách nhiệm giải trình và minh bạch; MTKS8 - BLĐ có thiết lập chính sách, quy trình cũng như phương tiện phù hợp để đảm bảo những lo ngại hay hành vi vi phạm đạo đức được báo cáo lên cấp thẩm quyền kịp thời và bí mật; MTKS9 - Sacombank có chính sách tuyển dụng, bố trí, điều động nhân sự có được thực hiện khách quan minh bạch, đúng quy trình tiêu chuẩn quy định.

Thang đo đo lường của biến độc lập nhân tố đánh giá rủi ro (ký hiệu ĐGRR) có 04 biến quan sát: ĐGRR1- BLĐ luôn quan tâm đến việc phân tích, đánh giá và quản trị rủi ro, các rủi ro luôn được xác định và giám sát liên tục trong phạm vi toàn ngân hàng và tại từng bộ phận; ĐGRR2 - Từng cấp lãnh đạo thường xuyên trao đổi, phổ biến cách nhận dạng rủi ro phát sinh, đưa ra những biểu hiện rủi ro tiềm ẩn,... phân tích nguyên nhân và đưa ra biện pháp hạn chế/ khắc phục rủi ro; ĐGRR3 - BLĐ chú trọng đánh giá các rủi ro toàn diện (bao gồm tín dụng, dịch vụ thanh toán, an toàn kho quỹ, kinh doanh tiền tệ,...); ĐGRR4 - Phòng kiểm soát rủi ro tại đơn vị chức năng hoạt động độc lập, không kiêm nhiệm thêm công việc ngoài chức năng làm ảnh hưởng năng suất nhiệm vụ và xung đột quyền lợi.

Thang đo đo lường của biến độc lập nhân tố hoạt động kiểm soát (ký hiệu HĐKS) có 04 biến quan sát: HĐKS1 - BLĐ ban hành các thủ tục kiểm soát chặt chẽ liên quan mọi nghiệp vụ trong các hoạt động của ngân hàng dựa trên chính sách kiểm soát; HĐKS2 - Nội dung KSNB ngày càng được bổ sung và hoàn thiện dần nhằm đáp ứng được các

yêu cầu mới trong công tác kiểm soát rủi ro hoạt động tại Sacombank; HĐKS3 - Phương pháp phân chia trách nhiệm giữa các cá nhân luôn tuân thủ nguyên tắc bất kiêm nhiệm. Các lĩnh vực có khả năng mâu thuẫn được biết, giảm thiểu và được theo dõi độc lập, cẩn thận, HĐKS4 - Sacombank có chính sách luân chuyển nhân sự giữa các đơn vị/bộ phận hiệu quả.

Thang đo đo lường của biến độc lập nhân tố thông tin truyền thông (ký hiệu TTTT) có 04 biến quan sát: TTTT1 - Các thông tin bên ngoài về thị trường, pháp luật, sự kiện... luôn được cập nhật có chọn lọc kịp thời, liên tục đến các cấp lãnh đạo để phục vụ cho công tác điều hành, ra quyết định và hoạt động kinh doanh tại đơn vị; TTTT2 - Hệ thống văn bản lập quy mỗi mảng nghiệp vụ đều được quy định ban hành đầy đủ, nội dung tuân thủ theo quy định pháp luật, NHNN, cơ quan ban hành có liên quan,... và được cập nhật bổ sung/ thay thế liên tục đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, công tác điều hành và tác nghiệp hàng ngày tại ngân hàng; TTTT3 - Hệ thống báo cáo số liệu kinh doanh hàng ngày (tổng huy động, tổng cho vay, nợ quá hạn,...) luôn chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ cho công tác giám sát, điều hành và hoạt động của đơn vị; TTTT4 - Hệ thống thông tin đảm bảo việc truyền tải hiệu quả đến tất cả nhân viên để hiểu đầy đủ và tuân thủ các chính sách, quy trình, thủ tục.

Thang đo đo lường của biến độc lập nhân tố giám sát (ký hiệu GS) có bốn biến quan sát: GS1 - Ngân hàng thiết lập chương trình với các tiêu chí giám

sát từ xa mọi mặt hoạt động hiệu quả và kịp thời; GS2 - Các ghi nhận trong báo cáo giám sát từ xa được kiểm tra phản hồi và báo cáo cho BLĐ kịp thời, nhanh chóng; GS3 - Ngân hàng có theo dõi công tác chỉnh sửa các kiến nghị của thanh tra NHNN, kiểm toán độc lập, các báo cáo kiểm tra của kiểm soát nội bộ,...; GS4 - Ban giám đốc khu vực/Ban giám đốc chi nhánh thường xuyên quan tâm giám sát hoạt động của các điểm giao dịch trực thuộc.

Thang đo đo lường của biến độc lập nhân tố công nghệ thông tin (ký hiệu CNTT) có 04 biến quan sát: CNTT1 - Hệ thống máy tính của ngân hàng sẵn sàng hoạt động tại mọi thời điểm; CNTT2 - Ngân hàng xây dựng, áp dụng các phần mềm, chương trình quản lý quan trọng để quản lý, kiểm soát tốt, hiệu quả, tiết kiệm hoạt động ngân hàng, hạn chế rủi ro phát sinh; CNTT3 - Ngân hàng có các quy trình bảo mật để truy cập vào các dữ liệu điện tử quan trọng; CNTT4 - Ngân hàng có sự phân quyền truy cập trong hệ thống dữ liệu ngân hàng.

Thang đo tính hữu hiệu của biến phụ thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ (ký hiệu HTKSNB) có 03 biến quan sát: HTKSNB 1 - Hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ đạt hiệu quả, đáp ứng với hoạt động chung của Ngân hàng; HTKSNB2 - Hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ giúp giảm thiểu rủi ro gây tổn thất cho ngân hàng; HTKSNB3 - Hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ giúp kiểm soát được nợ xấu phát sinh; HTKSNB4 - Hoạt động hệ thống kiểm

soát nội bộ giúp mỗi đơn vị đạt kết quả kinh doanh với chi phí hợp lý.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thực trạng hệ thống kiểm soát nội bộ

Môi trường kiểm soát nội bộ

Để đảm bảo kiểm soát tốt hoạt động ngân hàng, tuân thủ các tỷ lệ an toàn và tăng trưởng bền vững, Ban lãnh đạo (BLĐ) Sacombank – KVTNB đặt mục tiêu tăng cường kiểm soát các nghiệp vụ phi tín dụng (huy động vốn, dịch vụ, ngoại hối...). Cùng với kế hoạch kinh doanh, kế hoạch kiểm soát nội bộ cũng được BLĐ chỉ đạo thiết lập hàng năm. Tại các chi nhánh, công tác tự kiểm tra chấn chỉnh được lên kế hoạch từ đầu năm, khi kết thúc đợt kiểm tra gửi về Giám đốc khu vực.

Cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ: Sacombank đã xây dựng và luôn quan tâm hoàn thiện HTKSNB đáp ứng với yêu cầu phát triển ngày càng lớn mạnh của ngân hàng. Ban Kiểm soát thực thi nhiệm vụ thông qua mô hình kiểm soát 03 cấp: Ban Kiểm soát - Kiểm toán nội bộ - Tổ Kiểm tra khu vực. Tất cả kiểm tra viên (KTV) đều có trình độ đại học và trên đại học, có thâm niên làm việc tại Sacombank 05 – 10 năm.

Công tác phân công phân nhiệm, phân quyền và ủy quyền điều hành tại Sacombank được thực hiện theo đúng bảng mô tả công việc và quy định theo từng loại nghiệp vụ, được thực hiện bằng văn bản cụ thể. Nhân sự được ủy quyền, phân công phân nhiệm nắm bắt được cụ thể công việc được giao, chủ

động thực hiện và báo cáo kết quả công việc lên cấp quản lý, trong quá trình thực hiện luôn có sự kiểm soát của cấp trên nhằm đảm bảo đúng quy trình. Ở từng bộ phận có sự phân công rõ ràng theo công việc: thực hiện, kiểm soát, phê duyệt, hậu kiểm.

BLĐ luôn quan tâm xây dựng, khuyến khích các chuẩn mực đạo đức và phẩm chất trung thực, cũng như trong việc thiết lập một văn hoá kiểm soát bên trong ngân hàng. Cụ thể năm 2009, Hội đồng quản trị ban hành bộ “Quy tắc đạo đức nghề nghiệp” để chuẩn hóa hành vi tác phong của tất cả nhân viên Sacombank, và luôn luôn duy trì phổ biến cho tất cả nhân viên bằng hình thức tổ chức thi online.

Sacombank có thiết lập chính sách, quy trình cũng như phương tiện để đảm bảo những việc báo cáo lên cấp thẩm quyền kịp thời và bí mật. Cụ thể năm 2019, Tổng giám đốc triển khai chương trình “Alo CEO” công khai số điện thoại đường dây nóng của Tổng giám đốc để tiếp nhận kịp thời những hành vi, biểu hiện vi phạm trong tác nghiệp,... đảm bảo thông tin người gọi được bảo mật tuyệt đối.

Sacombank có chính sách tuyển dụng nhân sự với tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng từng chức danh. Công tác bổ nhiệm và tái bổ nhiệm nhân sự được thực hiện khách quan minh bạch, đúng quy trình tiêu chuẩn quy định, phải trải qua thi đậu kiến thức nghiệp vụ chuyên môn, thông qua Hội đồng phỏng vấn. Cấp lãnh đạo cơ sở được tái bổ nhiệm phải thực hiện “báo cáo thu hoạch” và

được 80% nhân viên trực thuộc bình chọn qua khảo sát trực tuyến. Công tác chấm thi đua khen thưởng được quy định rất cụ thể minh bạch, có văn bản quy định chi tiết chỉ tiêu đánh giá, công tác đánh giá qua 03 cấp (nhân viên tự đánh giá, cấp lãnh đạo trực tiếp và Ban lãnh đạo NH).

Đánh giá rủi ro hoạt động

Hoạt động của HTKSNB là một phần không tách rời của các hoạt động hàng ngày của Sacombank. BLĐ luôn quan tâm đến việc phân tích, đánh giá và quản trị rủi ro, các rủi ro luôn được xác định và giám sát liên tục trong phạm vi toàn ngân hàng và tại từng bộ phận. Khi phát sinh rủi ro ở bất cứ đơn vị nào trong hệ thống Sacombank, BLĐ đơn vị đều tổ chức họp phân tích nguyên nhân và đề ra giải pháp phòng tránh về sau, có báo cáo về BLĐ. Tùy theo từng nguyên nhân mà BLĐ có chính sách khắc phục, ra văn bản cảnh báo chấn chỉnh toàn ngân hàng.

Trong các buổi họp giao ban các cấp, BLĐ luôn dành thời gian để nhắc nhở các đơn vị trực thuộc quan tâm hơn nữa đối với công tác kiểm soát, tự kiểm tra chấn chỉnh của từng đơn vị nhằm hạn chế rủi ro vô tình hay cố ý phát sinh.

Đối với hoạt động cấp phát tín dụng, mỗi khâu đều tiềm ẩn những rủi ro riêng có thể gây thiệt hại nếu như không được

kiểm soát kịp thời. Tuy nhiên, do đặc thù địa lý Đồng bằng sông Cửu Long và hệ khách hàng của Sacombank – KVTNB nhỏ lẻ khá lớn nên việc kiểm soát, đánh giá rủi ro tại khu vực chưa được thực hiện đầy đủ, chưa chặt chẽ, chưa kịp thời và thường xuyên, dẫn đến phát sinh các trường hợp nợ trễ hạn, quá hạn mới.

Tại các chi nhánh Sacombank, bộ máy tổ chức phòng kiểm soát rủi ro trực thuộc Ban giám đốc chi nhánh, chưa đảm bảo tính khách quan tuyệt đối trong hoạt động đối với công tác giám sát và cảnh báo rủi ro.

Nhìn chung, Sacombank chú trọng quan tâm kiểm soát rủi ro thông qua các buổi họp đánh giá phân tích các rủi ro phát sinh và nhận diện các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động tác nghiệp. Tuy nhiên, Sacombank chưa có hệ thống nhận diện và cảnh báo sớm rủi ro để phòng ngừa các rủi ro do yếu tố con người, do không tuân thủ đầy đủ quy trình tác nghiệp.

Hoạt động kiểm soát

Sacombank cụ thể hóa quy trình thủ tục kiểm tra bằng quyết định số 60/QĐ-TGD ngày 19/09/2015 về việc ban hành quy định kiểm tra kiểm soát nội bộ của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, quy định các mảng kiểm tra nội bộ bắt buộc như sau:

Bảng 1. Nội dung kiểm tra nội bộ qua các năm 2020 – 2022

Stt	Nội dung kiểm tra	2020	2021	2022
1	Hoạt động tín dụng	✓	✓	✓
2	Hoạt động huy động vốn (kế toán – tiền gửi – hồ sơ pháp lý tiền gửi...)	✓	✓	✓
3	Kinh doanh tiền tệ	✓	✓	✓
4	Hoạt động ngân quỹ	✓	✓	✓
5	Chế độ phân nhiệm và uỷ quyền điều hành	✓	✓	✓
6	Công tác quản lý tài sản đảm bảo	✓	✓	✓
7	Hoạt động thanh toán quốc tế	✓	✓	✓
8	Hoạt động thanh toán nội địa (chuyển tiền...)	✓	✓	✓
9	Đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử	✓		✓
10	Công tác quản lý thẻ, vận hành ATM	✓	✓	✓
11	Công tác phát hành và quản lý thẻ tín dụng	✓	✓	✓
12	Công tác xử lý nợ quá hạn	✓	✓	✓
13	Công tác phòng chống rửa tiền	✓	✓	✓

(Nguồn: Sacombank – Văn phòng khu vực Tây Nam Bộ)

Số lượng chọn mẫu kiểm tra của Sacombank được yêu cầu ngày càng tăng, theo quy định số lượng chọn mẫu tại mỗi đơn vị đợt kiểm tra sau phải cao hơn tối thiểu 10% so với đợt kiểm tra trước.

Phương pháp phân chia trách nhiệm: cơ chế kiểm soát nội bộ được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ, tại tất cả các đơn vị, bộ phận của Sacombank dưới nhiều hình thức như: cơ chế kiểm tra chéo giữa các cá nhân, các bộ phận cùng tham gia một quy trình nghiệp vụ; quy định về hạn mức rủi ro cụ thể đối với từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện các giao dịch; quy trình và cơ chế thẩm định, kiểm soát và duyệt các giao dịch; đảm bảo một quy trình nghiệp vụ phải có ít nhất 02 nhân sự tham gia, không có cá nhân nào có thể một mình tiến hành thực

hiện và quyết định một quy trình nghiệp vụ, một giao dịch cụ thể.

Chính sách luân chuyển nhân sự: Sacombank có chính sách luân chuyển nhân sự giữa các đơn vị để có thể phát hiện kịp thời những tồn tại trong cách quản trị điều hành của các cấp lãnh đạo, những thói quen tác nghiệp chưa đúng quy trình quy định của nhân viên. Cụ thể đối với cấp trưởng đơn vị (Giám Đốc CN, Trưởng PGD) khi được 02 nhiệm kỳ phải luân chuyển sang đơn vị khác đồng chức vị; đối với cấp kiểm soát và thủ quỹ thì mỗi năm phải luân chuyển tạm thời 01 tháng/lần/năm sang đơn vị khác đồng chức danh. Sau mỗi đợt luân chuyển, nhân sự được luân chuyển phải báo cáo về Giám đốc khu vực những tồn tại (nếu có) tại đơn vị được luân chuyển. Ngoài ra, Sacombank còn có chính sách Giám Đốc lưu động và Trưởng Phòng giao dịch lưu động được thực hiện theo

lịch nghỉ phép thường niên bắt buộc (20 ngày/lần/năm) để rà soát lại toàn bộ hoạt động của đơn vị đó và báo cáo cho BLĐ. Tuy nhiên, việc thực hiện công tác luân chuyển nhân sự tạm thời chưa được các đơn vị thực hiện đúng định kỳ và hiệu quả. Do luân chuyển tạm thời thường thực hiện ở các phòng trực thuộc cùng chi nhánh nên chưa thực sự khác biệt về nhận định rủi ro tác nghiệp và công tác báo cáo sau luân chuyển còn thiếu trọng tâm để nhận diện rủi ro

Thông tin truyền thông

Tại Sacombank, hệ thống văn bản lập quy được bổ sung liên tục và đầy đủ, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, hướng dẫn và điều hành tác nghiệp hàng ngày tại ngân hàng. Mọi mảng nghiệp vụ đều có quy chế, quy định tạo cơ sở pháp lý cùng với hàng loạt văn bản hướng dẫn thực hiện phục vụ hoạt động và công tác quản trị kịp thời.

Mỗi đầu ngày, tất cả nhân viên đều được nhận email từ Ban thư ký Tổng giám đốc thông tin về diễn biến thị trường liên quan đến hoạt động ngân hàng, email từ VPKV về báo cáo số liệu kinh doanh mỗi ngày. Hàng tháng sẽ nhận mail thông tin về thay đổi các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng.

Tất cả các biên bản họp giao ban định kỳ, họp hội ý Ban điều hành, họp phân ban nợ quá hạn... đều phải hoàn thành và gửi qua email nội bộ Sacombank trong vòng tối đa 05 ngày làm việc để các đơn vị trực thuộc và đơn vị có liên quan có thể nắm bắt thông tin và truyền tải lại cho nhân viên kịp thời, đầy đủ và chính xác.

Hệ thống email nội bộ Sacombank giúp cho toàn thể nhân viên tiếp nhận được đầy đủ, chính xác, kịp thời các chỉ đạo từ cấp trên, các văn bản quy định mới,... để mỗi nhân viên nắm bắt thông tin kịp thời, phối hợp làm việc được hiệu quả.

Hoạt động giám sát

Công tác giám sát hoạt động tại Sacombank được thực hiện qua các đợt kiểm quỹ đột xuất tại bất kỳ chi nhánh của Sacombank, đặc biệt với các Đơn vị ở địa bàn xa trung tâm; kiểm tra chuyên đề áp tải hàng hoá đặc biệt để đảm bảo tuân thủ tuyệt đối công tác an toàn kho quỹ; thực hiện kiểm tra theo chuyên đề “Kiểm tra công tác quản lý tài sản thế chấp là hàng hóa, máy móc thiết bị”,...

Sacombank đã xây dựng được hệ thống các tiêu chí giám sát từ xa mọi mặt hoạt động của ngân hàng (cho vay/huy động vượt lãi suất quy định của NHNN, mở tài khoản cho khách hàng quốc tịch nước ngoài nhưng chưa thu thập visa,...). Mỗi tháng các ghi nhận kết quả giám sát từ xa được gửi trực tiếp đến từng đơn vị qua email để kiểm tra chấn chỉnh, có phản hồi thông tin chấn chỉnh đầy đủ về kiểm toán nội bộ.

Ngân hàng có phân công nhân sự phụ trách theo dõi, đôn đốc công tác chỉnh sửa các kiến nghị của thanh tra Ngân hàng nhà nước, kiểm toán độc lập, các báo cáo kiểm tra của kiểm soát nội bộ,... báo cáo cho BLĐ kịp thời. Tuy nhiên, công tác chấn chỉnh, phúc đáp sau kiểm tra còn tồn tại một số trường hợp có báo cáo chấn chỉnh nhưng chưa thực hiện khắc phục triệt để, thời gian phúc đáp còn khá chậm và chưa đầy đủ đối với các báo cáo kiểm tra trong nội bộ Sacombank.

Công nghệ thông tin

Sacombank - KVTNB hiện nay áp dụng công nghệ hiện đại trong quản trị ngân hàng để đáp ứng được yêu cầu của tiến trình hội nhập và cạnh tranh giữa các ngân hàng và để quản lý kiểm soát tốt, hiệu quả, tiết kiệm hoạt động ngân hàng, hạn chế rủi ro phát sinh. Cụ thể: phần mềm chuyên dụng T24 giúp tất cả các điểm giao dịch của Sacombank có thể khai thác thông tin khách hàng, chương trình LOS quản lý công tác cho vay, chương trình Portal để thực hiện và giám sát công tác phát hành thẻ và thay tiền ATM, chương trình quản lý mệnh giá tiền để quản lý số lượng tiền mặt tại kho quỹ đơn vị ở mọi thời điểm...

Việc áp dụng công nghệ thông tin góp phần giúp các Sacombank thuận lợi hơn trong quản trị, kinh doanh. Nhưng đi kèm với đó là những nguy cơ về rủi ro về đánh cắp dữ liệu, nếu dữ liệu đầu vào không đảm bảo tính chính xác và đầy đủ, tác động trực tiếp thông tin đầu ra, xử lý thông tin không chính xác ảnh

hưởng đến rủi ro trong tác nghiệp và công tác quản lý.

Trong quá trình vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu đóng vai trò rất quan trọng. Sacombank có ban hành quy trình bảo mật và phân quyền để truy cập vào các dữ liệu điện tử quan trọng, tùy theo chức danh nhiệm vụ mà được cấp user hoặc giới hạn quyền user để truy cập trong hệ thống dữ liệu điện tử của ngân hàng và đăng nhập vào các chương trình tác nghiệp trực tiếp. Tuy nhiên, công tác quản lý user – password tại các đơn vị chưa được quan tâm thực hiện chặt chẽ và xuyên suốt, tồn tại một số trường hợp cấp quyền truy cập (user) chưa đúng chức năng nhiệm vụ; chưa theo dõi khóa kịp thời các user của nhân sự nghỉ việc, chuyển chức danh, chuyển công tác sang đơn vị khác; để lộ user – password để kẻ gian lợi dụng đăng nhập vào chương trình đánh cắp thông tin và thực hiện các giao dịch không gây tổn thất cho ngân hàng.

4.3. Kết quả nghiên cứu

Đánh giá sơ bộ thang đo thiết kế nghiên cứu

Bảng 2. Thống kê ý kiến khảo sát của các thang đo trong nghiên cứu

	N	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn
HDKS	364	1,00	5,00	2,88	0,73
DGRR	364	1,50	5,00	3,18	0,66
TTTT	364	1,00	5,00	2,99	0,77
CNTT	364	1,00	4,75	3,15	0,65
GS	364	1,00	4,50	2,98	0,70
MTKS	364	1,33	5,00	2,89	0,67
HTKS NB	364	1,00	5,00	3,04	0,81

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

Theo kết quả tổng hợp ý kiến trả lời các thang đo (Bảng 2): giá trị nhỏ nhất của thang đo nằm ở mức từ 1 đến 1,5; giá trị lớn nhất thuộc mức 4,5 đến 5; giá trị trung bình của các thang đo nằm ở từ mức 2,88 đến 3,18. Thang đo về yếu tố đánh giá rủi ro được đánh giá cao nhất với mức trung bình là 3,18 trong thang đo Likert 5 điểm, kế tiếp lần lượt là công nghệ thông tin, thông tin truyền thông, giám sát, môi trường kiểm soát và thấp

nhất là hoạt động kiểm soát.

Phương pháp Cronbach's Alpha dùng để loại bỏ các câu hỏi không phù hợp và đánh giá độ tin cậy của thang đo, Cronbach's Alpha có giá trị biến thiên từ 0 đến 1, các thang đo các khái niệm nghiên cứu được coi là đảm bảo độ tin cậy khi có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn hoặc bằng 0,3 và các hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn hoặc bằng 0,6 (Nguyễn Đình Thọ, 2013).

Bảng 3. Kết quả phân tích Cronbach's Alpha cho thang đo biến độc lập và phụ thuộc

Biến quan sát	Trung bình Thang đo nếu loại biến	Phương sai Thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Cronbach's Alpha = 0,888; Số biến = 09				
MTKS1	23,37	29,837	0,642	0,875
MTKS2	22,96	29,252	0,653	0,874
MTKS3	23,19	30,229	0,581	0,880
MTKS4	23,24	28,465	0,648	0,875
MTKS5	22,66	30,245	0,629	0,876
MTKS6	23,47	29,600	0,657	0,874
MTKS7	23,54	29,621	0,662	0,874
MTKS8	23,24	28,167	0,685	0,872
MTKS9	23,07	29,598	0,614	0,877
Cronbach's Alpha = 0,729; Số biến = 04				
ĐGRR1	9,40	4,213	0,543	0,655
ĐGRR2	9,91	4,606	0,497	0,681
ĐGRR3	9,68	4,344	0,518	0,669
ĐGRR4	9,18	4,252	0,519	0,669
Cronbach's Alpha = 0,804; Số biến = 04				
HĐKS1	8,67	4,922	0,641	0,744
HĐKS2	8,65	4,984	0,612	0,760
HĐKS3	8,50	5,832	0,597	0,769
HĐKS4	8,82	5,209	0,640	0,744
Cronbach's Alpha = 0,769; Số biến = 04				
TTTT1	9,15	5,923	0,574	0,711
TTTT2	8,76	5,765	0,528	0,738
TTTT3	9,10	5,845	0,571	0,712
TTTT4	8,96	5,761	0,608	0,693
Cronbach's Alpha = 0,760; Số biến = 04				

GS1	8,82	4,852	0,539	0,714
GS2	9,15	4,896	0,576	0,695
GS3	9,15	4,878	0,516	0,727
GS4	8,73	4,653	0,605	0,678
Cronbach's Alpha = 0,731; Số biến = 04				
CNTT1	9,21	4,503	0,454	0,707
CNTT2	9,60	4,087	0,529	0,666
CNTT3	9,54	3,885	0,583	0,632
CNTT4	9,50	4,289	0,520	0,671
Cronbach's Alpha = 0,936; Số biến = 04				
HTKS NB1	9,21	6,120	0,848	0,916
HTKS NB2	9,27	5,904	0,856	0,914
HTKS NB3	9,01	5,884	0,850	0,916
HTKS NB4	9,02	6,383	0,844	0,919

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

Số liệu trên Bảng 3 thể hiện hệ số Cronbach's Alpha của tất cả các biến độc lập và phụ thuộc đều > 0,6. Hệ số tương quan biến tổng hiệu chỉnh của tất cả các biến quan sát đều lớn hơn 0,3 và nhỏ hơn Cronbach's Alpha tổng thể. Từ đó, kết luận thang đo đạt tiêu chuẩn, đạt độ tin cậy.

Phân tích nhân tố khám phá ảnh hưởng đến HTKS NB.

Phân tích nhân tố khám phá (EFA - Exploratory Factor Analysis) để rút gọn một tập gồm nhiều biến quan sát có sự tương quan với nhau thành một tập nhỏ hơn các biến tổng hợp (còn gọi là các nhân tố) có ý nghĩa hơn nhưng vẫn đảm bảo nội dung thông tin của tập dữ liệu

ban đầu. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) với 02 giả thuyết: Giả thuyết H₀: Các biến trong tổng thể không có tương quan với nhau; Giả thuyết H₁: Các biến trong tổng thể có tương quan với nhau (Nguyễn Đình Thọ, 2013).

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là một chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố, KMO phải đạt giá trị $0,5 \leq KMO \leq 1$ thể hiện các nhân tố là phù hợp. Kiểm định Bartlett's test of sphericity dùng để xem xét các biến quan sát trong nhân tố có tương quan với nhau hay không. Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê khi có giá trị sig Bartlett's Test < 0,05 (Nguyễn Đình Thọ, 2013).

Bảng 4. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett các thành phần

<i>Các biến độc lập</i>		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,824
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	3263,522
	df	406
	Sig.	0,000
<i>Các biến phụ thuộc</i>		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,867
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1237,256
	df	6
	Sig.	0,000

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

Kết quả kiểm định Bartlett (Bảng 4) cho thấy giữa các biến trong tổng thể có mối tương quan với nhau (sig= 0.00 < 0,05, bác bỏ H₀, nhận H₁). Đồng thời, 02 hệ số KMO của biến độc lập và biến phụ thuộc là 0,824 và 0,867 đều lớn hơn 0,5, chứng tỏ phân tích nhân tố để nhóm các biến lại với nhau là thích hợp và dữ liệu phù hợp cho việc phân tích nhân tố.

Từ kết quả phân tích Cronbach's Alpha và EFA như trên, mô hình nghiên

cứ lý thuyết gồm 06 nhân tố: (i) Môi trường kiểm soát, (ii) Đánh giá rủi ro, (iii) Hoạt động kiểm soát, (iv) Thông tin truyền thông, (v) Giám sát và (vi) Công nghệ thông tin đều có tác động tích cực đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại Sacombank – KVTNB.

Kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình hồi quy đa biến theo phương trình sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \varepsilon$$

Trong đó:

Biến phụ thuộc (Y): Tính hữu hiệu của HTKSNB tại Sacombank - KVTNB.

Các biến độc lập:

X₁: Môi trường kiểm soát (MTKS);
X₂: Đánh giá rủi ro (ĐGRR); X₃: Hoạt

động kiểm soát (HĐKS); X₄: Thông tin truyền thông (TTTT); X₅: Giám sát(GS); X₆: Công nghệ thông tin (CNTT).

β₀, β₁, ... β₆: hệ số hồi quy (trọng số hồi quy).

ε hệ số nhiễu.

Bảng 5. Bảng trọng số hồi quy

Model	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	-3,405	0,247		-13,785	0,000		
HDKS	0,359	0,034	0,327	10,598	0,000	0,987	1,013
DGRR	0,289	0,038	0,237	7,690	0,000	0,990	1,010
TTTT	0,340	0,032	0,324	10,509	0,000	0,984	1,016
CNTT	0,370	0,038	0,298	9,671	0,000	0,987	1,013
GS	0,388	0,036	0,336	10,888	0,000	0,985	1,016
MTKS	0,395	0,037	0,328	10,626	0,000	0,986	1,014

(Nguồn: Kết quả phân tích SPSS)

Dựa vào kết quả bảng trọng số hồi quy (Bảng 5), cho thấy giá trị “Sig.” của sáu biến độc lập đều nhỏ hơn 0,05. Kết luận các biến độc lập tương quan và có ý nghĩa với biến độc lập HTKSNB. Từ đó xác định được phương trình hồi quy:

$$HTKSNB = -3,405 + 0,359HDKS + 0,289DGRR + 0,340TTTT + 0,370CNTT + 0,388GS + 0,395MTKS + \varepsilon$$

Từ phương trình hồi quy cho thấy nhân tố Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin truyền thông, Giám sát và Công nghệ thông tin đều có tác động tích cực đến HTKSNB tại Sacombank - KVTNB. Từ kết quả Bảng 5 cho thấy nhân tố “Hoạt động giám sát” có tác động tích cực lớn nhất đến HTKSNB ($\beta = 0,336$). Kết quả này phù hợp đối với HTKSNB các ngân hàng thương mại trong giai đoạn hiện nay; nhân tố “Môi trường kiểm soát” có tác động tích cực thứ hai đến HTKSNB ($\beta = 0,328$), một môi trường kiểm soát tốt có thể hạn chế phần nào sự thiếu sót của các thủ tục kiểm soát; nhân tố “Hoạt

động kiểm soát” có ảnh hưởng thứ ba đến HTKSNB ($\beta = 0,327$), thể hiện hoạt động kiểm soát càng hiệu quả thì càng nâng cao HTKSNB, kết luận này cũng chính xác đối với HTKSNB các ngân hàng thương mại trong giai đoạn hiện nay; nhân tố “Thông tin truyền thông” có tác động tích cực đến HTKSNB ($\beta = 0,324$), cho thấy HTKSNB là hữu hiệu khi các thông tin trung thực, đáng tin cậy và quá trình truyền thông được thực hiện chính xác, kịp thời; nhân tố “công nghệ thông tin” có ảnh hưởng đến HTKSNB ($\beta = 0,298$). Có thể nói việc ứng dụng công nghệ thông tin càng cao thì càng nâng cao chất lượng HTKSNB;

nhân tố “Đánh giá rủi ro” có tác động tích cực đến HTKSNB ($\beta = 0,237$). Đánh giá rủi ro tốt sẽ giúp ngân hàng nhận diện đầy đủ các loại rủi ro, có thể xảy ra, cũng như các nhân tố làm phát sinh rủi ro,... Đây là cơ sở để vận hành một HTKSNB hiệu quả.

4.3. Giải pháp nhằm cải thiện công tác kiểm soát nội bộ tại Sacombank – Khu vực Tây Nam Bộ

Giải pháp đối với môi trường kiểm soát

Tiếp tục đẩy mạnh việc đào tạo, nhắc nhở phẩm chất đạo đức chuyên môn nghề nghiệp, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên. Trong thời gian qua, các sự vụ phát sinh tại Sacombank – KVTNB phần lớn xuất phát từ chính đạo đức nghề nghiệp và hoàn cảnh của cán bộ nhân viên.

Đa dạng hóa các loại hình đào tạo và thường xuyên huấn luyện nghiệp vụ cho đội ngũ kiểm tra viên hơn nữa. Do hệ thống KSNB được thiết kế, vận hành bởi con người và phụ thuộc vào các thủ tục kiểm soát nội bộ chặt chẽ, đầy đủ. Vì vậy việc đào tạo nhân viên có các kỹ năng, sự hiểu biết sâu rộng và tầm nhìn trong việc quản trị tài chính, quản lý rủi ro, quản lý thông tin dự báo, quản lý thông tin thị trường... là rất cần thiết. Sử dụng tối đa các hình thức đào tạo tại chỗ như: mời chuyên gia giảng dạy tại ngân hàng; tổ chức các buổi hội thảo trao đổi

nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc cho kiểm tra viên để xây dựng một hệ thống KSNB ngày một hoàn thiện về số lượng và chất lượng.

Giải pháp đối với đánh giá rủi ro

Xây dựng chương trình “Ngân hàng kiểm soát rủi ro” áp dụng toàn hệ thống Sacombank, chương trình này cập nhật lưu trữ tất cả các ghi nhận sai thiếu sót trong các báo cáo kiểm tra nội bộ Sacombank và các báo cáo kiểm tra bên ngoài Sacombank (NHNN, kiểm toán độc lập,...). Tất cả Cấp lãnh đạo/Cấp kiểm soát trong hệ thống Sacombank đều có thể đăng nhập tham khảo để tự rút kinh nghiệm và chấn chỉnh cho đơn vị mình.

Tăng cường kiểm soát nội bộ tại chỗ đối với hoạt động cho vay và giám sát chặt chẽ các khoản vay sau giải ngân. Nếu nhận thức không đúng tầm quan trọng của công tác này, sẽ không phân tích và đánh giá được các rủi ro tín dụng các khoản vay.

Giải pháp đối với hoạt động kiểm soát

Thực hiện công tác luân chuyển nhân sự tạm thời đúng định kỳ quy định để kịp thời phát hiện những tồn tại tiềm ẩn rủi ro trong tác nghiệp, giúp Ban lãnh đạo có thể nhận diện kiểm soát rủi ro kịp thời.

Giải pháp đối với thông tin và truyền thông

Thực hiện có lộ trình tinh giảm số lượng văn bản lập quy, văn bản hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, xây dựng hệ thống văn bản đổi mới hơn từ quản lý chặt chẽ chi tiết sáng tạo hành lang, bao quát, linh động và súc tích có trọng tâm, cắt giảm tối đa số lượng văn bản quy định chi tiết, thực hiện việc tích hợp các văn bản quy định hướng dẫn nghiệp vụ cùng mảng nghiệp vụ và tương tự nhau,... tạo điều kiện cho nhân viên có thời gian tra cứu, tiếp cận và áp dụng.

Giải pháp đối với hoạt động giám sát

Đẩy mạnh hoạt động giám sát từ xa, có cơ chế giám sát công tác tự kiểm tra chấn chỉnh và phúc tra các chỉnh sửa kiến nghị của các báo cáo kiểm tra nội bộ tại các đơn vị nhằm hạn chế sự đối phó, các sai phạm tiếp tục lặp lại ở những lần kiểm tra tiếp theo. Trong báo cáo kiểm tra cần bổ sung thêm nội dung đánh giá trách nhiệm cá nhân của các cá nhân có các hành vi lặp lại lỗi sai sót của các kỳ kiểm tra trước. Với cơ chế thực hiện đánh giá nghiêm túc như trên sẽ giúp các cán bộ nhân viên tự nâng cao ý thức hoàn thiện tác nghiệp, nghiêm túc chấn chỉnh các sai sót góp phần hoàn thiện HTKSNB của Sacombank – KVTNB.

Giải pháp đối với công nghệ thông tin

Chú trọng công tác kiểm soát nhập liệu thông tin đầu vào của nhân viên trực thuộc nhằm đảm bảo tính chính xác và đầy đủ, giúp xử lý thông tin dữ liệu chính xác, hạn chế rủi ro trong tác nghiệp có thể phát sinh. Đồng thời, giúp công tác truy vấn thông tin, chiết xuất dữ liệu được thuận tiện, chính xác phục vụ cho việc theo dõi, giám sát từ xa trong toàn ngân hàng.

Quản triệt công tác quản lý user – password với tất cả nhân viên nhằm hạn chế rủi ro đánh cắp thông tin hoặc thực hiện giao dịch không gây tổn thất cho ngân hàng.

5. KẾT LUẬN

Sáu nhân tố ảnh hưởng đến HTKSNB tại Sacombank – Khu vực Tây Nam Bộ, nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất là hoạt động giám sát, kế tiếp lần lượt là môi trường kiểm soát, hoạt động kiểm soát, thông tin truyền thông, công nghệ thông tin và đánh giá rủi ro.

Trên cơ sở kết quả phân tích, các giải pháp để cải thiện HTKSNB tại Sacombank – Khu vực Tây Nam Bộ được đề xuất như: (1) Tiếp tục đẩy mạnh việc đào tạo, nhắc nhở phẩm chất đạo đức chuyên môn nghề nghiệp, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên. Đồng thời, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, sử dụng tối đa các hình thức đào tạo tại chỗ; (2) Xây dựng chương trình “Ngân hàng kiểm soát rủi ro” lưu trữ tất cả các

ghi nhận sai thiếu sót trong các báo cáo kiểm tra nội bộ và bên ngoài áp dụng toàn hệ thống Sacombank để mỗi đơn vị có thể tham khảo tự rút kinh nghiệm và chấn chỉnh; (3) Tăng cường kiểm soát nội bộ tại chỗ đối với hoạt động cho vay và giám sát chặt chẽ các khoản vay sau giải ngân nhằm nhận diện và đánh giá được kịp thời các rủi ro tín dụng; (4) Thực hiện công tác luân chuyển nhân sự tạm thời đúng định kỳ quy định để kịp thời phát hiện những tồn tại tiềm ẩn rủi ro trong tác nghiệp, giúp Ban lãnh đạo có thể nhận diện kiểm soát rủi ro kịp thời; (5) Thực hiện có lộ trình tinh giảm số lượng văn bản lập quy, hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, tạo điều kiện cho nhân viên có thời gian tra cứu, tiếp cận và áp dụng; (6) Đẩy mạnh hoạt động giám sát từ xa, có cơ chế giám sát công tác tự kiểm tra chấn chỉnh và phúc tra các chỉnh sửa kiến nghị của các báo cáo kiểm tra nội bộ tại các đơn vị; (7) Chú trọng công tác kiểm soát nhập liệu thông tin nhằm đảm bảo dữ liệu đầu vào chính xác và đầy đủ, giúp xử lý thông tin dữ liệu chính xác, hạn chế rủi ro trong tác nghiệp; (8) Quán triệt công tác quản lý user – password với tất cả nhân viên nhằm hạn chế rủi ro đánh cắp thông tin hoặc thực hiện giao dịch không gây tổn thất cho ngân hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Basel 2010, Principles for enhancing corporate governance, accessed on 10/10/2022, <https://www.bis.org>.
2. Bùi Thanh Sơn, 2020. Kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Luận án tốt nghiệp tiến sĩ. Học viện Khoa học xã hội.
3. COSO, 2013. Internal Control - Integrated Framework (Framework). <http://www.coso.org> accessed on 10/10/2022.
4. Etuk, I. C., 2011. Valuation of internal control system of banks in Nigeria. <https://studylib.net> accessed on 10/03/2023.
5. Ewa, E. U., & Udoayang, J. O., 2012. The Impact of Internal Control Design on Banks, Ability to Investigate Staff Fraud, and Life Style and Fraud Detection in Nigeria. International Journal of Research in Economics & Social Sciences. Technology 2:32- 43.
6. Hair, J.F., Black, W.C., Babin, B.J., Anderson, R.E. (2010), Multivariate data analysis, Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ, September 7-9.
7. Nguyễn Thị Quỳnh Hương, 2021. Định hướng hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tạp chí tài chính.
8. Nguyễn Bích Liên, 2020. Hoàn thiện hoạt động kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Luận án tốt nghiệp tiến sĩ. Học viện tài chính.
9. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, 2015. Quyết định số 60/QĐ-TGD ngày 19/09/2015 Về việc

ban hành quy định kiểm tra kiểm soát nội bộ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

10. Nguyễn Đình Thọ, 2013. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh Thiết kế và thực hiện. Nhà xuất bản Lao Động - Xã Hội. Hà Nội, 549 pages.

11. Hồ Tuấn Vũ, 2016. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hữu hiệu của hệ thống

kiểm soát nội bộ trong các Ngân hàng thương mại Việt Nam. Luận án tốt nghiệp tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Lê Thanh Tuyền, 2016. Các nhân tố ảnh hưởng hệ thống kiểm soát nội bộ các Ngân hàng thương mại tại thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn tốt nghiệp cao học. Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

IMPROVING THE MANAGEMENT WORK INTERNAL CONTROL SYSTEM AT SAI GON THUONG TIN JOINT STOCK COMMERCIAL BANK IN SOUTHWEST AREA

Nguyen Ngoc Minh^{1*} and Nguyen Thi Hong Loan²

¹Tay Do University

²Sacombank, Southwest Regional Office

(*Email: nmlsts@gmail.com)

ABSTRACT

The study aimed to determine the factors affecting the internal control system at Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Sacombank) - Southwest Region. On that basis, solutions are proposed to improve the administration of the internal control system at Sacombank - Southwest region. Research data was collected by direct survey method of 364 leaders at Sacombank branches - Southwest region. The study used expert consultation, Likert scale and testing methods. Cronbach's Alpha coefficient is assessed for reliability, exploratory factor analysis EFA, Bartlett correlation test, and multivariate regression to analyze the data. The research results show that there are 06 factors affecting the internal control system at Sacombank - Southwest region, respectively: Supervision activities, Control environment, Control activities, Information communication, Information technology and Control activities. As a result, some solutions have been proposed, including the establishment of a "Risk Control Bank", personnel rotation, remote monitoring, and understanding of user-password administration thoroughly.

Keywords: Management, internal control system, Sacombank – Southwest region.